

# CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KHẢ NĂNG TRẢ NỢ VAY ĐÚNG HẠN CỦA NÔNG HỘ Ở TỈNH HẬU GIANG

PGS., TS. Trương Đông Lộc  
ĐH Cần Thơ  
ThS. Nguyễn Thanh Bình  
Cục Thuế Hậu Giang

**M**ục tiêu chính của nghiên cứu này là phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ vay đúng hạn của nông hộ ở tỉnh Hậu Giang. Số liệu sử dụng trong nghiên cứu được thu thập từ một cuộc điều tra bằng bản câu hỏi với số hộ được phỏng vấn là 436. Sử dụng mô hình probit, kết quả phân tích cho thấy khả năng trả nợ vay đúng hạn của nông hộ có tương quan thuận với thu nhập sau khi vay và số thành viên trong gia đình có thu nhập, nhưng lại có tương quan nghịch với lãi suất đi vay. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu còn chỉ ra rằng trình độ học vấn của chủ hộ càng cao thì khả năng trả nợ đúng hạn của họ càng cao. Cuối cùng, kết quả phân tích định lượng còn cho thấy khả năng trả nợ đúng hạn của những hộ đi vay vốn phục vụ cho sản xuất nông nghiệp cao hơn những hộ vay vốn sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp.

## Giới thiệu

Hậu Giang là một tỉnh thuần nông với 80% dân số sống bằng nghề nông nên đời sống của người dân còn rất nhiều khó khăn (Cục Thống kê Hậu Giang, 2009). Thực tế cho thấy, thiếu vốn đầu tư là một trong những nguyên nhân dẫn đến thu nhập của nông hộ ở nơi đây còn rất thấp. Vì vậy, tín dụng có vai trò hết sức quan trọng trong chiến lược xóa đói, giảm nghèo của địa phương. Tuy nhiên, do hoạt động sản xuất nông nghiệp thường gặp rất nhiều rủi ro, cộng với trình độ của người dân còn thấp nên các khoản tín dụng cho nông hộ thường tiềm ẩn nhiều rủi ro (Trương Đông Lộc, 2009).

Đây là rào cản chính khiến cho việc tiếp cận tín dụng của nông hộ nói chung và hộ nghèo nói riêng thường gặp rất nhiều khó khăn do những lo ngại từ các tổ chức tín dụng.

Cho đến nay đã có một vài nghiên cứu liên quan đến tín dụng cho nông hộ đã được công bố. Phần lớn các nghiên cứu này tập trung vào khả năng tiếp cận tín dụng của nông hộ (Vương Quốc Duy và các đồng tác giả, 2010; Lê Khương Ninh và Phạm Văn Hùng, 2011;



Trương Đông Lộc và Trần Bá Duy, 2010). Ngoài ra, đã có một vài nghiên cứu xác định các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ không đúng hạn của người đi vay (rủi ro tín dụng của ngân hàng), nhưng chủ yếu được thực hiện trên đối tượng đi vay là các doanh nghiệp vừa và nhỏ (Trương Đông Lộc, 2010), hộ gia đình ở khu vực thành thị (Trương Đông Lộc và Nguyễn Thị Tuyết, 2010). Vì vậy, việc nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ đúng hạn của nông hộ ở tỉnh Hậu Giang là cần thiết và có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc giảm thiểu rủi ro cho các ngân hàng thương mại, qua đó khơi thông được nguồn vốn cho nông hộ nhằm giúp họ cải thiện cuộc sống.

**Đối tượng nghiên cứu và nguồn số liệu sử dụng**

Số liệu sử dụng trong nghiên cứu này được thu thập từ một cuộc điều tra bằng bản câu hỏi, tiến hành tháng 3/2010. Đối tượng được khảo sát là những hộ có vay vốn trong năm 2009 và đến thời điểm 31/12/2009 vẫn còn số dư. Tác giả chọn như vậy để đảm bảo tất cả các hộ được chọn đều đã phát sinh kỳ hạn nợ phải thanh toán và như vậy mới có thể đánh giá được khả năng trả nợ của họ. Tổng số hộ được chọn để điều tra là 436. Trên cơ sở số liệu thống kê về tổng số hộ của từng huyện/thị, mẫu nghiên cứu được phân bổ cho các đơn vị hành chính cấp huyện thuộc tỉnh (Bảng 1).

**Bảng 1: Cơ cấu mẫu điều tra theo đơn vị hành chính cấp huyện**

Địa bàn huyện, thị	Số mẫu điều tra	Tỷ lệ (%)
1. Huyện Châu Thành	71	16,3
2. Huyện Châu Thành A	85	19,5
3. Huyện Phụng Hiệp	46	10,5
4. Thị xã Ngã Bảy	32	7,3
5. Huyện Vị Thù	85	19,5
6. Huyện Long Mỹ	70	16,1
7. Tp. Vị Thanh	47	10,8
<b>Tổng số</b>	<b>436</b>	<b>100,0</b>

*Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả*

Ngoài ra, để phục vụ tốt cho mô hình nghiên cứu, khi tiến hành điều tra tác giả đã tính đến

một cơ cấu mẫu hợp lý giữa những hộ trả nợ đúng hạn và những hộ trả nợ không đúng hạn (Bảng 2).

**Bảng 2: Cơ cấu mẫu điều tra theo khả năng trả nợ của nông hộ**

Khả năng trả nợ của nông hộ	Số hộ điều tra	Tỷ lệ (%)
Trả nợ đúng hạn	261	59,9
Trả nợ không đúng hạn	175	40,1
<b>Tổng cộng</b>	<b>436</b>	<b>100,0</b>

*Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả*

Đối với nông hộ ở tỉnh Hậu Giang, nguồn tín dụng chính thức mà họ tiếp cận chủ yếu là từ ngân hàng chính sách xã hội, các ngân hàng thương mại và các tổ chức phi ngân hàng (Bảng 3).

**Bảng 3: Cơ cấu mẫu điều tra phân theo nguồn đi vay của nông hộ**

Nguồn đi vay	Số hộ điều tra	Tỷ lệ (%)
Các ngân hàng thương mại	151	34,7
Ngân hàng chính sách xã hội	229	52,4
Các tổ chức phi ngân hàng	56	12,9
<b>Tổng cộng</b>	<b>436</b>	<b>100,0</b>

*Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả*

**Phương pháp nghiên cứu**

Để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ đúng hạn của nông hộ ở tỉnh Hậu Giang, mô hình probit được sử dụng trong nghiên cứu này. Một cách cụ thể, mô hình probit có dạng như sau:

$$Y = \alpha + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \beta_4 X_4 + \beta_5 X_5 + \beta_6 X_6 + \beta_7 X_7 + \epsilon$$

Trong đó: Y là khả năng trả nợ vay đúng hạn của nông hộ. Y nhận giá trị 1 nếu nông hộ trả nợ đúng hạn, nhận giá trị 0 nếu trả nợ không đúng hạn.

X1, X2, X3, X4, X5, X6 và X7 là các biến độc lập (biến giải thích). Cơ sở để lựa chọn các biến độc lập đưa vào mô hình là dựa trên kết quả của các nghiên cứu trước đây. Các biến độc lập được định nghĩa và diễn giải một cách chi tiết ở Bảng 4.

**Bảng 4: Diễn giải các biến độc lập được sử dụng trong mô hình probit**

Biến số	Diễn giải biến	Kỳ vọng
Mục đích sử dụng vốn vay ( $X_1$ )	Biến giả, bằng 1 nếu nông hộ sử dụng vốn vay đúng mục đích, bằng 0 nếu sử dụng vốn sai mục đích	Tương quan thuận
Thu nhập sau khi vay ( $X_2$ )	Thu nhập của nông hộ sau khi vay (đồng)	Tương quan thuận
Lãi suất vay ( $X_3$ )	Lãi suất phải trả của nông hộ khi đi vay từ các tổ chức tín dụng (%)	Tương quan nghịch
Tuổi của người đi vay ( $X_4$ )	Số tuổi của chủ hộ đi vay vốn	Tương quan nghịch
Ngành nghề chính tạo ra thu nhập của nông hộ ( $X_5$ )	Biến giả, bằng 1 nếu ngành nghề chính tạo ra thu nhập trả nợ là nông nghiệp, bằng 0 nếu là nghề khác.	Tương quan thuận
Số thành viên trong gia đình có thu nhập ( $X_6$ )	Số người có thu nhập trong gia đình	Tương quan thuận
Trình độ học vấn chủ hộ ( $X_7$ )	Biến giả, bằng 1 nếu chủ hộ học từ lớp 9 trở lên, bằng 0 nếu ngược lại	Tương quan thuận

**Kết quả nghiên cứu**

Như đã trình bày ở trên, nghiên cứu này sử dụng mô hình probit để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ đúng hạn của nông hộ ở tỉnh Hậu Giang. Với cỡ mẫu là 436, kết quả phân tích bằng mô hình probit (Bảng 5).

Kết quả phân tích cho thấy trong số 7 biến độc lập đưa vào mô hình có 5 biến có ý

nghĩa về mặt thống kê ở mức 1% và 5%. Diễn giải mối quan hệ giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc trong mô hình được trình bày cụ thể như sau:

*Thu nhập sau khi vay ( $X_2$ )*  
 Kết quả Bảng 5 cho thấy, thu nhập sau khi vay có mối tương quan thuận với khả năng trả nợ đúng hạn của nông hộ. Nói cách khác, nếu thu nhập

của nông hộ càng cao thì khả năng trả nợ vay đúng hạn càng lớn và ngược lại. Mối quan hệ này có ý nghĩa thống kê ở mức 1%. Kết quả này hoàn toàn phù hợp với thực tế vì đối với hầu hết hộ nông dân việc trả nợ vay thường là ưu tiên hàng đầu vì nợ vay càng để lâu thì lãi phát sinh càng lớn. Thu nhập sau khi vay càng cao thì khả năng trả nợ vay đúng hạn của nông hộ càng cao.

**Bảng 5: Kết quả phân tích bằng mô hình probit**

Chỉ tiêu	Hệ số tương quan
Hằng số	- 0,1270 (-0,30)
Mục đích sử dụng vốn vay ( $X_1$ )	-0,2355 (-1,34)
Thu nhập sau khi vay ( $X_2$ )	1.20E-08 (3,55) <sup>a</sup>
Lãi suất vay ( $X_3$ )	- 1,1495 (-3,77) <sup>a</sup>
Tuổi của người đi vay ( $X_4$ )	- 0,0093 (-1,40)
Ngành nghề chính tạo ra thu nhập của nông hộ ( $X_5$ )	0,8026 (4,06) <sup>a</sup>
Số thành viên trong gia đình có thu nhập ( $X_6$ )	0,3345 (4,23) <sup>a</sup>
Học vấn chủ hộ ( $X_7$ )	0,4868 (2,44) <sup>b</sup>
R <sup>2</sup>	0,1806
Giá trị LR (Likelihood ratio)	77,07 <sup>a</sup>

a, b: Có ý nghĩa thống kê tương ứng ở mức 1% và 5%

Giá trị thống kê z ở trong dấu ngoặc

Nguồn: Kết quả xử lý bằng phần mềm Eviews trên cơ sở dữ liệu có được từ cuộc điều tra

*Lãi suất của khoản vay ( $X_3$ )*  
 Lãi suất luôn là vấn đề được người đi vay quan tâm, đặc biệt là nông hộ vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của họ. Như tác giả đã kỳ vọng, kết quả phân tích bằng mô hình probit cho thấy lãi suất có mối tương quan tỷ lệ nghịch với khả năng trả nợ vay đúng hạn của nông hộ. Cụ thể, nếu lãi suất càng cao thì khả năng trả nợ vay càng thấp và ngược lại. Mối tương quan này cũng có ý nghĩa thống kê ở mức 1%.



*Ngành nghề chính tạo ra thu nhập của nông hộ (X5)*

Để đo lường mức độ ảnh hưởng của ngành nghề chính tạo ra thu nhập để trả nợ vay đến khả năng trả nợ đúng hạn, nghiên cứu này sử dụng biến giả bằng 1 nếu nguồn thu nhập chính để trả nợ vay là từ hoạt động sản xuất nông nghiệp, bằng 0 nếu nguồn thu nhập chính để trả nợ từ hoạt động khác. Kết quả phân tích cho thấy những khoản vay có nguồn trả nợ từ hoạt động sản xuất nông nghiệp có xác suất trả nợ đúng hạn cao hơn so với khả năng này ở những khoản vay có nguồn thu nhập để trả nợ từ những hoạt động khác. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ở mức 1%.

*Số thành viên trong gia đình có thu nhập (X6)*

Gia đình có nhiều người tạo ra thu nhập sẽ làm tăng thu nhập chung của nông hộ và làm giảm đi những gánh nặng cho chủ hộ. Vì vậy, số thành viên trong gia đình có thu nhập được

kỳ vọng có mối tương quan tỷ lệ thuận với khả năng trả nợ đúng hạn của nông hộ. Đúng như kỳ vọng, kết quả Bảng 4 cho thấy những hộ có số thành viên trong gia đình có thu nhập càng cao thì khả năng trả nợ đúng hạn càng cao. Về mặt thống kê, mối quan hệ này có ý nghĩa ở mức 1%.

*Trình độ học vấn chủ hộ (X7)*

Trình độ học vấn của chủ hộ được đo lường bởi biến giả, bằng 1 nếu chủ hộ học từ lớp 9 trở lên, ngược lại bằng 0. Kết quả phân tích bằng mô hình probit cho thấy trình độ học vấn của chủ hộ có mối tương quan tỷ lệ thuận với khả năng trả nợ đúng hạn của nông hộ ở mức ý nghĩa 5%. Điều này có nghĩa là, chủ hộ có học vấn càng cao thì khả năng trả nợ đúng hạn càng cao, vì học vấn của chủ hộ càng cao thì nông hộ có nhiều cơ hội tiếp cận với thông tin vay vốn, dễ dàng tiếp cận với khoa học kỹ thuật, có tính toán đến hiệu quả khi vay vốn

để đầu tư nên họ làm ăn cũng có hiệu quả hơn những hộ có học vấn thấp. Việc sử dụng vốn hiệu quả sẽ giúp nông hộ trả nợ vay đúng hạn. Ngoài ra, kết quả Bảng 4 còn cho thấy việc sử dụng vốn đúng mục đích và tuổi của chủ hộ có tương quan nghịch với khả năng trả nợ đúng hạn của nông hộ. Tuy nhiên, các mối quan hệ này lại không có ý nghĩa về mặt thống kê. Vì vậy, chúng ta có thể kết luận rằng việc sử dụng vốn vay và tuổi của chủ hộ không có quan hệ gì với khả năng trả nợ đúng hạn của nông hộ. Cuối cùng, giá trị LR (likelihood ratio) của mô hình là 77,07 cho thấy mô hình tác giả sử dụng có ý nghĩa thống kê ở mức 1%.

### Kết luận

Bằng việc sử dụng mô hình probit, nghiên cứu này đã xác định được một số nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ đúng hạn của nông hộ ở tỉnh Hậu Giang. Cụ thể, thu nhập sau khi vay và số thành viên trong gia đình có thu nhập có mối tương quan thuận với khả năng trả nợ đúng hạn của nông hộ. Ngược lại, lãi suất lại có mối tương quan tỷ lệ nghịch với khả năng trả nợ đúng hạn của nông hộ. Ngoài ra, kết quả phân tích của nghiên cứu này còn cho thấy những khoản vay có nguồn trả nợ từ hoạt động sản xuất nông nghiệp có xác suất trả nợ đúng hạn cao hơn so với khả năng này ở những khoản vay có nguồn thu nhập để trả nợ từ những hoạt động khác. Cuối cùng, nghiên cứu chỉ ra chủ hộ có học vấn càng cao thì khả năng trả nợ đúng hạn của họ càng cao. Kết quả nghiên cứu đã cung cấp những bằng chứng thực tế có giá trị nhằm giúp các ngân hàng thương mại đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Hậu Giang hiểu rõ hơn về các nguyên nhân dẫn đến việc trả nợ đúng hạn và không đúng hạn của nông hộ. Trên cơ sở những nguyên nhân này, ngân hàng sẽ chủ động đưa ra các giải pháp phù hợp nhằm hạn chế rủi ro tín dụng cho ngân hàng mình và nâng cao khả năng tiếp cận vốn cho nông hộ, qua đó cải thiện thu nhập cho họ ■

### Tài liệu tham khảo

1. Cục Thống kê tỉnh Hậu Giang (2009), Niên giám Thống kê tỉnh Hậu Giang.
2. Lê Khương Ninh và Phạm Văn Hùng (2011), Các yếu tố quyết định lượng vốn vay chính thức của nông hộ ở Hậu Giang, Tạp chí Ngân hàng, số 9, trang 42-48.
3. Trương Đông Lộc (2009), Tín dụng nông thôn ở đồng bằng sông Cửu Long: Thực trạng và giải pháp phát triển, Tạp chí Công nghệ Ngân hàng, số 40, trang 16-21.
4. Trương Đông Lộc (2010), Các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng của các ngân hàng thương mại nhà nước ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, số 156, trang 49- 52.
5. Trương Đông Lộc, Nguyễn Thị Tuyết (2011), Các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Chi nhánh Tp. Cần Thơ, Tạp chí Ngân hàng, số 5, trang 38-41.
6. Vương Quốc Duy, Lê Long Hậu và Marijke D'Haese (2010), Các nhân tố ảnh hưởng đến việc tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ ở đồng bằng sông Cửu Long, Tạp chí Phát triển Kinh tế, số 236, trang 39-44.

